

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2026/DS-ST
Ngày 27-02-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
(tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Đào Đức Cẩm Tú

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2026/QĐXXST-DS ngày 22-01-2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Tô Hán O; sinh năm 1982; địa chỉ nơi cư trú: Khu vực C, phường V, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện ủy quyền của Ông Tô Hán O: Ông Trần Văn Đ; sinh năm 1993; địa chỉ liên hệ: Số 585 đường M, phường P, thành phố Cần Thơ, theo văn bản ủy quyền ngày 24-7-2025. (Có mặt)

- **Bị đơn:**

+ Ông Nguyễn Trung H; sinh năm 1988; địa chỉ nơi cư trú: Khu vực H, phường V, thành phố Cần Thơ.

+ Bà Vương Mỹ T; sinh năm 1989; địa chỉ nơi cư trú: Khu vực H, phường V, thành phố Cần Thơ.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Tô C; sinh năm 1996; địa chỉ nơi cư trú: Số 223 Khu vực C, phường V, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 5-8-2025, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 5-01-2026, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Tô Hán O có người đại diện theo ủy quyền trình bày cho rằng Ông Tô Hán O và Ông Nguyễn Trung H có mối quan hệ quen biết với nhau nên vào khoảng tháng 02/2024, Ông Tô Hán O có cho Ông Nguyễn Trung H vay số tiền 770.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi triệu đồng*) với lãi suất là 02%/tháng, mục đích vay là để Ông Nguyễn Trung H giải quyết công việc cá nhân. Việc vay mượn không có lập thành văn bản mà được thực hiện bằng việc chuyển khoản vào tài khoản của Ông Nguyễn Trung H. Ông Tô Hán O đã chuyển khoản cho Ông Nguyễn Trung H nhiều lần từ số tài khoản 108000496911, chủ tài khoản Tô Hán Ô, mở tại ngân hàng Viettin Bank Chi nhánh Sóc Trăng sang số tài khoản của Ông Nguyễn Trung H 03210006636495, mở tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Sóc Trăng. Tổng số tiền Ông Tô Hán O đã chuyển cho Ông Nguyễn Trung H vay là 830.000.000 đồng. Các lần chuyển tiền cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 06-02-2024 chuyển số tiền 300.000.000 đồng;
- Lần 2: Ngày 06-02-2024 chuyển số tiền 270.000.000 đồng;
- Lần 3: Ngày 19-02-2024 chuyển số tiền 60.000.000 đồng;
- Lần 4: Ngày 27-02-2024 chuyển số tiền 80.000.000 đồng;
- Lần 5: Ngày 29-02-2024 chuyển số tiền 120.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Trung H hứa hẹn là sẽ sớm trả lại đủ số tiền cho Ông Tô Hán O. Tuy nhiên Ông Nguyễn Trung H chỉ đóng lãi được một đến hai tháng rồi không tiếp tục đóng lãi và trả tiền cho Ông Tô Hán O và đến ngày 21-6-2024 thì Ông Nguyễn Trung H viết tờ cam kết hẹn đến ngày 06-7-2024 sẽ trả lại cho Ông Tô Hán O số tiền 870.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi triệu đồng) bao gồm gốc và tiền lãi, nhưng đến hẹn thì Ông Nguyễn Trung H không thực hiện theo nội dung tờ cam kết.

Ông Tô Hán O đã gửi đơn đề yêu cầu Công an xã Lạc Hoà, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (cũ) giải quyết, tại đây Ông Nguyễn Trung H cam kết trả tiền cho Ông Tô Hán O làm 03 đợt, cụ thể như sau:

- Đợt 1 vào ngày 26-12-2024 trả 370.000.000 đồng;
- Đợt 2 vào ngày 30-01-2025 trả 400.000.000 đồng;
- Đợt 3 vào ngày 28-02-2025 trả 100.000.000 đồng.

Nhưng Ông Nguyễn Trung H vẫn không thực hiện trả tiền theo cam kết trên cho Ông Tô Hán O.

Do đó, Ông Tô Hán O làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Ông Nguyễn Trung H, Bà Vương Mỹ T có nghĩa vụ liên đới trả cho

Ông Tô Hán O số tiền gốc 870.000.000 đồng theo Biên bản thỏa thuận đề ngày 19-11-2024, Tờ cam kết (không đề ngày tháng năm), Tờ cam kết đề ngày 21-6-2024; Ông Tô Hán O không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kèm theo đơn khởi kiện, Ông Tô Hán O nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây: bản đối chiếu Biên bản thỏa thuận ngày 19-11-2024; bản đối chiếu Tờ cam kết (không đề ngày tháng năm); bản đối chiếu Tờ cam kết ngày 21-6-2024; đơn yêu cầu không hòa giải, công khai chứng cứ; bản sao kê chi tiết giao dịch; hợp đồng ủy quyền; đơn yêu cầu không hòa giải, đối thoại.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ông Tô Hán O trình bày cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án vào ngày 11-02-2026, phía Ông Nguyễn Trung H đã thanh toán cho Ông Tô Hán O số tiền 250.000.000 đồng nên Ông Tô Hán O rút lại yêu cầu đối với số tiền 250.000.000 đồng trên, còn lại số tiền 620.000.000 đồng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Ông Nguyễn Trung Hiêu, Bà Vương Mỹ T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông Tô Hán O theo Biên bản thỏa thuận đề ngày 19-11-2024, Tờ cam kết (không đề ngày tháng năm), Tờ cam kết đề ngày 21-6-2024; Ông Tô Hán O không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 9-02-2026, bị đơn Ông Nguyễn Trung H trình bày cho rằng đối với yêu cầu khởi kiện của Ông Tô Hán O đối với vợ chồng ông số tiền gốc 870.000.000 đồng trên thì Ông Nguyễn Trung H có kế hoạch trả Ông Tô Hán O như sau: Đợt 1 ngày 10-02-2026 sẽ trả cho Ông Tô Hán O số tiền 170.000.000 đồng; Đợt 2 (45 ngày sau) sẽ trả cho Ông Tô Hán O số tiền 300.000.000 đồng; Đợt 3 (45 ngày sau) sẽ trả cho Ông Tô Hán O số tiền 400.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 9-02-2026, bị đơn Bà Vương Mỹ T trình bày cho rằng với yêu cầu khởi kiện của Ông Tô Hán O đối với vợ chồng bà số tiền gốc 870.000.000 đồng trên Bà Vương Mỹ T thống nhất với chồng là Ông Nguyễn Trung H về có kế hoạch trả nợ cho Ông Tô Hán O như sau: Đợt 1 ngày 10-02-2026 trả cho Ông Tô Hán O số tiền 170.000.000 đồng; Đợt 2 (45 ngày sau) trả cho Ông Tô Hán O số tiền 300.000.000 đồng; Đợt 3 (45 ngày sau) trả cho Ông Tô Hán O số tiền 400.000.000 đồng; ngoài ra bà không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Tô C trình bày cho rằng việc giao dịch số tiền 870.000.000 đồng theo Biên bản thỏa thuận ngày 19-11-2024, Tờ cam kết (không đề ngày tháng năm), Tờ cam kết ngày 21-6-2024 giữa Ông Tô Hán O với Ông Nguyễn Trung H và số tiền 870.000.000 đồng cũng như 620.000.000 đồng trên là tài sản của cá nhân Ông Tô Hán O không liên quan đến Ông Tô C, do đó Ông Tô C thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ông Tô Hán O về việc buộc vợ chồng bị đơn Ông Nguyễn Trung H, Bà Vương Mỹ T cùng liên

đổi trả số tiền 620.000.000 đồng trên cho Ông Tô Hán O; Ông Tô C không có yêu cầu hay ý kiến gì trong vụ án này.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); người tham gia tố tụng là nguyên đơn và người đại diện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện số tiền 250.000.000 đồng nguyên đơn đã rút lại; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 620.000.000 đồng theo Biên bản thỏa thuận đề ngày 19-11-2024, Tờ cam kết (không đề ngày tháng năm), Tờ cam kết đề ngày 21-6-2024; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Tô Hán O là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn Ông Nguyễn Trung H, Bà Vương Mỹ T cư trú Khu vực H, phường V, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Tô Hán O vắng mặt có người đại diện tham gia phiên tòa, bị đơn Ông Nguyễn Trung H, Bà Vương Mỹ T được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và các bị đơn.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ông Tô Hán O trình bày cho rằng ngày 11-02-2026 Ông Nguyễn Trung H đã thanh toán cho Ông Tô Hán O số tiền 250.000.000 đồng nên Ông Tô Hán O rút lại yêu cầu đối với số tiền 250.000.000 đồng trên, còn lại số tiền 620.000.000 đồng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Ông Nguyễn Trung H, Bà Vương Mỹ T có nghĩa vụ liên đới trả cho cá nhân Ông Tô Hán O theo Biên bản thỏa thuận đề ngày 19-11-2024, Tờ cam kết (không đề ngày tháng năm), Tờ cam kết đề ngày 21-6-2024; Ông Tô Hán O không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên. Xét thấy, phía nguyên đơn Ông Tô Hán O rút lại yêu cầu khởi kiện số tiền 250.000.000 đồng và tự quyết định, định đoạt các nội dung như trên là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, căn cứ Điều 5, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2025), Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút lại trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Tô Hán O về việc buộc vợ chồng bị đơn Ông Nguyễn Trung H, Bà Vương Mỹ T liên đới trả số tiền vốn vay 620.000.000 đồng theo Biên bản thỏa thuận ngày 19-11-2024, Tờ cam kết (không đề ngày tháng năm), Tờ cam kết ngày 21-6-2024. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Tô C khẳng định số tiền 620.000.000 đồng trên là tài sản của cá nhân Ông Tô Hán O không liên quan đến Ông Tô C và thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ông Tô Hán O, không có yêu cầu hay ý kiến gì khác. Bị đơn Ông Nguyễn Trung H, Bà Vương Mỹ T trình bày số tiền nợ gốc 870.000.000 đồng vợ chồng Ông Nguyễn Trung H, Bà Vương Mỹ T có kế hoạch trả Ông Tô Hán O thành 03 đợt là đợt 1 ngày 10-02-2026 trả cho Ông Tô Hán O số tiền 170.000.000 đồng, đợt 2 (45 ngày sau) trả cho Ông Tô Hán O số tiền 300.000.000 đồng, đợt 3 (45 ngày sau) trả cho Ông Tô Hán O số tiền 400.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu hay ý kiến gì khác. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý kế hoạch trả như trên của bị đơn mà yêu cầu trả theo quy định pháp luật một lần số tiền nợ 620.000.000 đồng. Xét thấy, qua thừa nhận của các đương sự như trên, có cơ sở xác định Ông Nguyễn Trung H và Ông Tô Hán O có giao dịch số tiền 870.000.000 đồng theo Biên bản thỏa thuận ngày 19-11-2024, Tờ cam kết (không đề ngày tháng năm), Tờ cam kết ngày 21-6-2024 và hiện còn nợ lại số tiền 620.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bị đơn Ông Nguyễn Trung H, Bà Vương Mỹ T cùng liên đới trả số tiền nợ 620.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 280, Điều 463 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Nguyên đơn không yêu cầu về tiền lãi; trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không ai yêu cầu đối với các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giao dịch cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến số tiền 870.000.000 đồng theo Biên bản thỏa thuận ngày 19-11-2024, Tờ cam kết (không đề ngày tháng năm), Tờ cam kết ngày 21-6-2024 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích như đã nêu trên, có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[7] Các bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 280, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ông Tô Hán O đối với Ông Nguyễn Trung H, Bà Vương Mỹ T số tiền 250.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng*) theo Biên bản thỏa thuận ngày 19-11-2024, Tờ cam kết (không đề ngày tháng năm), Tờ cam kết ngày 21-6-2024.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Tô Hán O đối với Ông Nguyễn Trung H, Bà Vương Mỹ T: Buộc Ông Nguyễn Trung H, Bà Vương Mỹ T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông Tô Hán O số tiền 620.000.000 đồng (*bằng chữ: Sáu trăm hai mươi triệu đồng*) theo Biên bản thỏa thuận ngày 19-11-2024, Tờ cam kết (không đề ngày tháng năm), Tờ cam kết ngày 21-6-2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc Ông Nguyễn Trung H, Bà Vương Mỹ T có nghĩa vụ liên đới chịu 28.800.000 đồng (*bằng chữ: Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng*).

+ Ông Tô Hán O không phải chịu, hoàn trả cho Ông Tô Hán O số tiền tạm ứng đã nộp 19.050.000 đồng (*bằng chữ: Mười chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005898 ngày 15-10-2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo trình tự phúc thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPCT;
- VKSND KV8-CT;
- THADS TPCT (KV8);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Nhân